TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST Ngày: 31-5-2024 V/v: Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự

Ông Nguyễn Thanh Quyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Kiều T, sinh năm 1994; Trú tại: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Mai Công T1, sinh năm 1983; Trú tại: ấp C, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị T và anh Mai Công T1 kết hôn năm 2010. Trong thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn hợp nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lâm Thị Kiều T xin ly hôn với anh Mai Công T1 ; Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân cả hai có với nhau được hai con chung gồm Mai Thành H, sinh ngày 17/01/2011 (giới tính nam) và Mai Thị Tuyết V, sinh ngày 10/11/2012 (giới tính nữ), cháu H đang sinh sống với anh T1 và cháu V đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Mai Thị Tuyết V và

cháu Mai Thành H giao anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Công T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều T và bị đơn anh Mai Công T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn chị T xác định không còn tình cảm với bị đơn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không muốn duy trì hôn nhân. Trong khi đó, bị đơn anh T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy bị đơn anh T1 cũng không mong muốn hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn hôn nhân với chị T. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều T được ly hôn với bị đơn anh Mai Công T1 được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lâm Thị Kiều T thừa nhận trong thời kì hôn nhân với anh T1, cả hai có với nhau hai con chung và khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi Mai Thị Tuyết V, sinh ngày 10/11/2012 (giới tính nữ) và Mai Thành H, sinh ngày 17/01/2011 (giới tính nam) giao anh T1 nuôi. Trong văn bản trình bày của cháu V có nguyện vọng được sống với chị T và cháu H có nguyện vọng sống chung với anh T1. Vấn đề nuôi con chung anh T1 không có văn bản trình bày, xét nguyện vọng của các con chung đã trên bảy tuổi thì có thể tự đưa ra nguyện vọng

của bản thân. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T trực tiếp nuôi cháu V và anh T1 nuôi cháu H

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều T được ly hôn với bị đơn anh Mai Công T1.

2. Về con chung: Chị Lâm Thị Kiều T trực tiếp nuôi cháu Mai Thị Tuyết V, sinh ngày 10/11/2012 (giới tính nữ); anh Mai Công T1 trực tiếp nuôi cháu Mai Thành H, sinh ngày 17/01/2011 (giới tính nam), cả hai chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lâm Thị Kiều T và anh Mai Công T1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006416 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu